

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHI LĂNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 8 - 2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Kim.

2. Bà Đinh Thị Thao.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 58/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nông Thị T, sinh năm 1987. Hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nông Văn Đ, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 6 năm 2020, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nông Thị T trình bày:

Chị Nông Thị T và anh Nông Văn Đ kết hôn tháng 9 năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi cho theo phong tục tập quán, nhưng không đi đăng ký kết hôn. Sau khi cưới anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng vài tháng thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Nông Văn Đ thường xuyên say rượu, chơi bời, không tu trí làm ăn, chị đã khuyên bảo anh Nông Văn Đ nhiều lần nhưng anh Nông Văn Đ không thay đổi, nên cuộc sống chung không có hạnh phúc, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi, xúc phạm nhau.

Năm 2014 chị mang hai con về nhà bố mẹ đẻ ở tại thôn K, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, sống ly thân anh Nông Văn Đ từ đó đến nay. Chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu ly hôn anh Nông Văn Đ.

Về con chung: Chị Nông Thị T và anh Nông Văn Đ có 02 con chung, cháu Nông Khánh D, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2006 và cháu Nông Thị Hà M, sinh ngày 10 tháng 11 năm 2012. Chị Nông Thị T yêu cầu được nuôi hai con đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh Nông Văn Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Chị hiện nay đang làm công nhân Công ty TNHH J-T – Khu công nghiệp V T, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang, có thu nhập trung bình 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/tháng, chị đảm bảo đủ điều kiện nuôi hai con. Hai cháu Nông Khánh D, Nông Thị Hà M đều có nguyện vọng được ở cùng chị Nông Thị T.

Về tài sản chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nông Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh Nông Văn Đ cố tình vắng mặt không có lý do nên Tòa án không lấy được lời khai của anh Nông Văn Đ về các yêu cầu liên quan đến nội dung vụ án. Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Nông Văn Đ không có mặt nên không tiến hành hoà giải được.

Toà án đã tiến hành xác minh tại thôn L, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn về mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nông Thị T và anh Nông Văn Đ và việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nông Văn Đ, việc xác minh này đã được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn xác nhận.

Anh Nông Văn Đạt là anh trai ruột của anh Nông Văn Đ cho biết: Chị Nông Thị T và anh Nông Văn Đ có mâu thuẫn xảy ra từ nhiều năm nay, nhưng anh không biết nguyên nhân. Đối với các văn bản tố tụng của Tòa án anh đã nhận và thông báo đưa cho anh Nông Văn Đ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật: Về tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật; bị đơn không chấp hành theo các giấy triệu tập, thông báo của Tòa án là chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do chị Nông Thị T và anh Nông Văn Đ không có đăng ký kết hôn nên cần xử không công nhận chị Nông Thị T và anh Nông Văn Đ là vợ chồng; về con chung, giao cho chị Nông Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con là cháu Nông Khánh D, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2006 và cháu Nông Thị Hà M, sinh ngày 10 tháng 11 năm 2012 đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, anh Nông Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung không có, không đề nghị xem xét giải quyết; về án phí chị Nông Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm: Trích lục khai sinh và Giấy khai sinh của hai con chung; các biên bản giao nhận văn bản tố tụng; công văn số 735/CV-TA ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Tòa án về việc xác minh thông tin vụ án ngày 16 tháng 7 năm 2020; công văn số 43/UBND-TP ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn về trả lời xác minh thông

tin; các biên bản xác minh ngày 29 tháng 7 năm 2020; biên bản kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ của Tòa án.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Chị Nông Thị T và anh Nông Văn Đ không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền; chị Nông Thị T và anh Nông Văn Đ có 02 con chung là Nông Khánh D, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2006 và Nông Thị Hà M, sinh ngày 10 tháng 11 năm 2012.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nông Văn Đ vắng mặt, không có lý do nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của bị đơn không gây cản trở cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị T và anh Nông Văn Đ chung sống tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương năm 2005 nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Nông Thị T và anh Nông Văn Đ là không hợp pháp. Quá trình sống chung, anh chị đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không còn quan tâm, thương yêu, tôn trọng nhau, anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2014 đến nay. Chị Nông Thị T có yêu cầu ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, cần xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nông Thị T và anh Nông Văn Đ.

[3] Về con chung: Chị Nông Thị T và anh Nông Văn Đ có 02 con chung đều có nguyện vọng được ở cùng chị Nông Thị T. Hội đồng xét xử xét thấy các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, anh Nông Văn Đ thường xuyên say rượu, không lo toan gia đình, chị Nông Thị T có nghề nghiệp, thu nhập ổn định đủ điều kiện nuôi hai con, vì vậy việc giao hai con chung cho chị Nông Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, phù hợp với nguyện vọng của cháu Nông Khánh D và cháu Nông Thị Hà M. Anh Nông Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nông Thị T không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Theo chị Nông Thị T trình bày tài sản chung của vợ chồng không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nông Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 266, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 51, các Điều 53, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nông Thị T và anh Nông Văn Đ.

2. Về con chung: Chị Nông Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung Nông Khánh D, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2006 và Nông Thị Hà M, sinh ngày 10 tháng 11 năm 2012 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Nông Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung, có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở anh Nông Văn Đ thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Nông Thị T phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Nông Thị T đã nộp 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0000364 ngày 23 tháng 6 năm 2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện C;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Thanh Huyền